TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DẦU TIẾNG** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2024/DS-ST
Ngày: 19-02-2024
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Ngọc Lan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Lệ Mỹ;

2. Ông Trương Hữu Bình.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Ngọc Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thanh Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 451/2023/TLST-DS ngày 06 tháng 10 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2024/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 01 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2024/QĐST-DS ngày 23 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Phạm Văn S, sinh năm 1983. HKTT: Số A đường A, khu phố G, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương.

- *Bị đơn*: Ông Tống Bá D, sinh năm 1989. HKTT: Số C đường T, khu phố D, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn ông S có yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn ông D đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 15 tháng 8 năm 2023, trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn (ông S) trình bày:*

Ông S và ông D có mối quan hệ quen biết. Do cần tiền làm ăn nên ông D nhiều lần vay của ông S với tổng số tiền là 39.000.000 đồng. Cụ thể các lần vay:

Lần thứ 1 vào ngày 31/3/2019 ông D mượn số tiền 2.000.000 đồng và thời hạn trong vòng 01 tháng; lần thứ 2 vào ngày 17/7/2019, ông Dương m số tiền 20.000.000 đồng và thời hạn vay là 03 tháng; lần thứ 3 vào ngày 21/11/2019, ông Dương m số tiền 10.000.000 đồng và thời hạn vay là 01 tháng; lần thứ 4 vào ngày 05/01/2020, ông Dương m số tiền 2.000.000 đồng và thời hạn vay là 30 tháng; lần thứ 05 vào ngày 02/3/2020, ông Dương m số tiền 5.000.000 đồng và thời hạn vay là 03 tháng. Các bên có lập giấy mượn tiền cụ thể cho từng lần vay và ông D tự tay viết và có ký tên, ghi họ tên.

Đến hạn, ông D không thanh toán cho ông S như thỏa thuận. Nhiều lần ông S yêu cầu ông D trả lại số tiền còn nợ trên nhưng ông D cứ hẹn lần hẹn lượt kéo dài đến nay. Vì vậy, ông S khởi kiện yêu cầu ông D có trách nhiệm thanh toán số tiền còn nợ 39.000.000 (ba mươi chín triệu đồng).

Quá trình giải quyết vụ án, ông S trình bày việc ông D trả góp hàng tháng cho ông S với tổng số tiền 5.000.000 đồng. Từ tháng 12/2022, ông D không tiếp tục trả góp tiền nợ còn lại cho ông S; hiện còn nợ lại số tiền 34.000.000 đồng. Do đó, ông S rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 5.000.000 đồng trong tổng số tiền 39.000.000 đồng được thể hiện trong 05 giấy mượn tiền.

Ngoài ra, nguyên đơn không có yêu cầu gì khác.

** Về phía bị đơn (ông D):* Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng tống đạt, niêm yết để ông D tham gia tố tụng nhưng ông D cố tình vắng mặt mà không có lý do nên không thu thập được ý kiến.

** Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:*

- Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý và giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành đúng quy định tại các Điều 70 và 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Quan hệ pháp luật của vụ án là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ và kết quả tranh luận tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn. Buộc bị đơn thanh toán cho nguyên đơn tổng số tiền 34.000.000 đồng. Đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với số tiền 5.000.000 đồng do nguyên đơn rút yêu cầu đối với bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Từ những tài liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn hiện đang cư trú tại khu phố D, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thời hiệu khởi kiện: Các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp thể hiện giao dịch được ký kết lần thứ 1 vào ngày 31/3/2019, lần cuối cùng vào ngày 02/3/2020. Bị đơn có trả góp hàng tháng cho ông S với tổng số tiền 5.000.000 đồng. Từ tháng 12/2022, bị đơn không tiếp tục trả góp tiền nợ còn lại cho nguyên đơn. Như vậy, các giao dịch này vẫn còn thời hiệu nên quan hệ pháp luật của vụ án là tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Việc Tòa án tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng đối với bị đơn là đúng với quy định tại Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng bị đơn không thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình theo đúng quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp: Bị đơn ông D nhiều lần vay của nguyên đơn ông S với tổng số tiền là 39.000.000 đồng. Cụ thể các lần vay: Lần thứ 1 vào ngày 31/3/2019, ông Dương m số tiền 2.000.000 đồng và thời hạn trong vòng 01 tháng; lần thứ 2 vào ngày 17/7/2019, ông Dương m số tiền 20.000.000 đồng và thời hạn vay là 03 tháng; lần thứ 3 vào ngày 21/11/2019, ông Dương m số tiền 10.000.000 đồng và thời hạn vay là 01 tháng; lần thứ 4 vào ngày 05/01/2020, ông Dương m số tiền 2.000.000 đồng và thời hạn vay là 30 tháng; lần thứ 05 vào ngày 02/3/2020, ông Dương m số tiền 5.000.000 đồng và thời hạn vay là 03 tháng. Các bên có lập giấy mượn tiền cụ thể cho từng lần vay và ông D tự tay viết và có ký tên, ghi họ tên. Các bên không thỏa thuận lãi suất. Bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền 5.000.000 đồng và hiện còn nợ lại số tiền 34.000.000 đồng. Nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền 34.000.000 đồng cho nguyên đơn, nguyên đơn không yêu cầu tiền lãi đối với bị đơn.

[3] Xem xét chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là 05 "Giấy mượn tiền" lần lượt đề các ngày 31/3/2019; 17/7/2019; 21/11/2019; 05/01/2020 và 02/3/2020 (sau đây viết tắt là "Giấy mượn tiền") đều có chữ ký tên và chữ viết ghi họ và tên của bị đơn bên dưới mục "Người mượn tiền" và có thỏa thuận về thời hạn thanh toán. Các lần mượn tiền này không thỏa thuận về tiền lãi. Nội dung của các chứng cứ này thể hiện bị đơn có vay của nguyên đơn tổng số tiền 39.000.000 đồng.

Quá trình thực hiện tố tụng giải quyết vụ án, bị đơn ông D được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng cố tình vắng mặt không tham gia các buổi làm việc, buổi

mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải. Tòa án đã niêm yết chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là các giấy mượn tiền thể hiện tổng số tiền nợ là 39.000.000 đồng để bị đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình, nhưng bị đơn không có ý kiến gì đối với chứng cứ do nguyên đơn cung cấp. Như vậy, có cơ sở xác định giữa nguyên đơn và bị đơn có ký kết hợp đồng dân sự vay tài sản, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp có giá trị chứng minh. Do vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

[4] Đối với việc rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 5.000.000 đồng là sự tự nguyện của nguyên đơn và phù hợp quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận và đình chỉ xét xử.

[5] Về lãi suất: Nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[7] Xét ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 235, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 357, 463, 466, 468 và 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

** Tuyên xử:*

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" của nguyên đơn ông Phạm Văn S đối với bị đơn ông Tống Bá D.

1.1. Buộc ông Tống Bá D trả cho ông Phạm Văn S số tiền 34.000.000 đồng (ba mươi bốn triệu đồng).

Khi án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày ông Phạm Văn S có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Tống Bá D không thanh toán số tiền trên, thì hàng tháng ông Tống Bá D còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

1.2. Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Văn S đối với bị đơn ông Tống Bá D về số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng).

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc ông Tống Bá D phải nộp số tiền 1.700.000 đồng (một triệu bảy trăm ngàn đồng).

- Hoàn trả cho ông Phạm Văn S số tiền 975.000 đồng (chín trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số: AA/2021/0009382 ngày 26/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CCTHA DS huyện Dầu Tiếng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Đỗ Thị Ngọc Lan